TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Huy Vĩnh

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2587/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Như M, sinh năm 1999; nơi cư trú: Xã Phả Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh BAE JUNG H, quốc tịch: Hàn Quốc; nơi cư trú: 809ho 102dong, 170 Hsinjungang-ro 3beonna-gil Saha-gu Busan, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Như M trình bày:

Chị và anh BAE JUNG H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm lễ đính hôn vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Hải Phòng và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 10 tháng 10 năm 2018. Sau đó, anh BAE JUNG H gửi hồ sơ về Việt Nam để chị M làm thủ tục xin visa sang Hàn Quốc. Tuy nhiên Đại sứ quán đã từ chối cấp visa vì lý do anh BAE JUNG H không đủ điều kiện kinh tế để cho chị M sang Hàn Quốc. Kể từ đó, chị và anh BAE JUNG H phát sinh nhiều mâu thuẫn, do khác biệt về ngôn ngữ, tính cách, lối sống, hai người không còn quan tâm nhau, không liên lạc với nhau. Hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay nhận thấy

tình cảm không còn và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh BAE JUNG H.

Về con cHg: Chị và anh BAE JUNG H không có con cHg.

Về tài sản và công nợ cHg: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh BAE JUNG H có hợp thức hóa lãnh sự trình bày:

Anh và chị Đinh Thị Như M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm lễ đính hôn vào ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Hải Phòng. Sau đó, anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc vào ngày 10 tháng 10 năm 2018. Sau đó, anh gửi hồ sơ về Việt Nam để chị M làm thủ tục xin visa sang Hàn Quốc. Tuy nhiên Đại sứ quán đã từ chối cấp visa vì lý do anh BAE JUNG H không đủ điều kiện kinh tế để cho chị M sang Hàn Quốc. Kể từ đó, hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn, do khác biệt về ngôn ngữ, tính cách, lối sống, hai người không còn quan tâm nhau, không liên lạc với nhau. Hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị M làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, anh BAE JUNG H cũng nhất trí ly hôn.

Về con cHg: Anh và chị Đinh Thị Như M không có con cHg.

Về tài sản và công nợ cHg: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Đinh Thị Như M làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với anh BAE JUNG H, anh BAE JUNG H có quốc tịch Hàn Quốc và hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại Hàn Quốc. Tòa án đã yêu cầu chị Đinh Thị Như M thực hiện việc ghi chú kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam nhưng chị M có đơn từ chối. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam thì không có giá trị pháp lý. Vì vậy, quan hệ giữa chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H không phải là quan hệ vợ chồng. Chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, lối sống và tính cách không hợp, không

còn tình cảm và yêu thương lẫn nhau. Anh BAE JUNG H đã trở về Hàn Quốc, và không muốn đoàn tụ với chị Đinh Thị Như M. Xét việc chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H cùng thuận tình yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng là tự nguyện. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H.

[4] Về con cHg: Anh chị không có con chung.

[5] Về tài sản cHg: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Như M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm b khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H.

2. Về nuôi con cHg và tài sản chung: Chị Đinh Thị Như M và anh BAE JUNG H không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị Như M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0008251 ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đinh Thị Như M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Đinh Thị Như M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Anh BAE JUNG H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng tính từ ngày nhận được bản án.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp